TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÒA VANG** **THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **21**/2024/DS-ST
Ngày: 22-4-2024
V/v "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒA VANG - TP. ĐÀ NẴNG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Đức Thọ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Bút

2. Bà Lê Thị Hoàng Thương

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Mỹ Loan - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nghiệp - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 4 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 211/2023/TLST-DS ngày 10 tháng 11 năm 2023 về việc *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2024/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 3 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa sơ thẩm số 27/2024/QĐST-DS ngày 05 tháng 4 năm 2024, giữa:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP TT; Trụ sở chính: 266 - 268 N, quận A, TP. Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức TD – Tổng giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Trương Đình V – chức vụ: Chuyên viên Quản lý nợ Ngân hàng TMCP TT – Chi nhánh S.

(Giấy ủy quyền số: 492/2023/GUQ-CNSH, ngày 29/12/2023).

- Bị đơn: Ông Phan Văn H, sinh năm 2000; địa chỉ: Thôn C, xã H, huyện H, Tp Đà Nẵng.

(Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có mặt;bị đơn vắng mặt lần thứ hai).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần TT (Sau đây gọi tắt là Ngân hàng TT), bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày*:

Ngày 26/4/2022, ông Phan Văn H có ký với Ngân hàng TMCP TT *(gọi tắt là Ngân hàng)* Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng *(bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng - các tài liệu được gọi chung là Hợp đồng).* Căn cứ thu nhập của ông H, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng VS payWave Cre Platinum Cashback 436438-1586 với hạn mức sử dụng là 30.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân đối với thẻ tín dụng quốc tế VS pay Wave Cre Platinum Cashback 436438-1586.

Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông Phan Văn H đã thực hiện 13 giao dịch với tổng số tiền là: 23.050.505 đồng.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông H đã thanh toán được số tiền: 16.487.960 đồng *(thứ tự thanh toán căn cứ theo Điều 21 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng).* Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông H vẫn không có thiện chí trả nợ cho Ngân hàng. Do ông H vi phạm nghĩa vụ thanh toán *(Điều 18 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng Ngân hàng*), ngày 06/07/2023 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn *(Điều 24 của Bản Điều khoản và điều kiện phát dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng).* Tính đến ngày 22/4/2024, ông Phan Văn H còn nợ Ngân hàng các khoản sau:

Nợ gốc : 9,865,377 đồng;

Lãi quá hạn : 3,538,257 đồng;

Tổng cộng : 13,403,634 đồng;

Lãi suất trong hạn : 2.48%/tháng;

Lãi suất quá hạn : 3.72%/tháng (2.48% x 150%).

** Đối với khoản vay tiêu dùng VTD Sacombank Pay 211251-9265 ngày 02/10/2022:*

Ngày 02/10/2022, sau khi được cấp tín dụng ông H đã thực hiện 09 giao dịch với tổng số tiền là 25,000,000 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông H đã thanh toán được số tiền: 5,446,680 đồng *(thứ tự thanh toán căn cứ theo Điều 21 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng).* Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông H vẫn không có thiện chí trả nợ cho Ngân hàng. Do ông H vi phạm nghĩa vụ

thanh toán *(Điều 18 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng Ngân hàng*), ngày 26/06/2023 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn *(Điều 24 của Bản Điều khoản và điều kiện phát dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng).*Tính đến ngày 22/4/2024, ông Phan Văn H còn nợ Ngân hàng các khoản sau:

Nợ gốc: 22,733,320 đồng;

Lãi quá hạn : 5,303,018 đồng;

Tổng cộng : 28,036,338 đồng.

Mặc dù, Ngân hàng đã yêu cầu ông H có trách nhiệm thanh toán, tuy nhiên ông H vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã quy định tại Hợp đồng đã ký.

Do đó, để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của Ngân hàng, Ngân Hàng TMCP TT - Chi nhánh S đề nghị Tòa án giải quyết những vấn đề sau đây đối với bị đơn:

1. Buộc ông Phan Văn H trả cho Ngân hàng tổng số tiền tính đến ngày xét xử sơ thẩm 22/4/2024 là: 41,439,972 đồng, trong đó:

Nợ gốc: 32,598,697 đồng;

Lãi quá hạn: 8,841,275 đồng.

2. Buộc ông Phan Văn H có nghĩa vụ thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 23/4/2024 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

** Đối với bị đơn:* Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thông báo về việc thụ lý vụ án, triệu tập hợp lệ nhiều lần cho bị đơn để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

** Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:*

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng trình tự quy định của pháp luật.

Đối với các đương sự: Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật. Bị đơn chưa thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ và phù hợp với quy định pháp luật, cũng như các tài liệu, chứng cứ có trong hồ

sơ vụ án nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn. Bị đơn phải chịu án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để nhận định:

[1]Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Theo đơn khởi kiện thì nguyên đơn Ngân hàng TT yêu cầu bị đơn ông Phan Văn H trả số tiền nợ vay theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng với hợp đồng thẻ VS payWave Cre Platinum Cashback 436438-1586, ngày 26/4/2022 và hợp đồng hạn mức vay tiêu dùng VTD Sacombank Pay 211251-9265 ngày 02/10/2022 với mục đích vay là vay tiêu dùng. Do đó, căn cứ vào khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 3 Điều 98 Luật Các tổ chức tín dụng, quan hệ pháp luật là tranh chấp dân sự về hợp đồng tín dụng.

[1.2] Về thẩm quyền: Bị đơn có địa chỉ tại thôn C, xã H, huyện H, Tp Đà Nẵng. Do đó, căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, tranh chấp phát sinh giữa Ngân hàng TT và ông Phan Văn H thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H, thành phố Đà Nẵng.

[1.3] Bị đơn ông Phan Văn H đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông H.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng đối với khoản tiền dư nợ và nợ lãi:

[2.1] Ngày 26/4/2022, giữa ông Phan Văn H và Ngân hàng TMCP TT có ký kết Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng VS payWave Cre Platinum Cashback 436438-1586 với hạn mức sử dụng là 30.000.000 đồng. Trên cơ sở thẻ tín dụng cùng hạn mức được cấp này, ngày 02/10/2022 ông Phan Văn H tiếp tục vay tiêu dùng VTD Sacombank Pay 211251-9265 với hạn mức sử dụng là 25.000.000 đồng trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, các chủ thể tham gia ký kết có đầy đủ năng lực trách nhiệm dân sự. Hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết có hình thức và nội dung phù hợp với các Điều 117, 398, 401 và 463 Bộ luật Dân sự nên có hiệu lực đối với các bên đã tham gia giao dịch. Các chứng cứ mà nguyên đơn xuất trình như Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng là có cơ sở để xác định ông H có quan hệ tín dụng với Ngân hàng TT.

[2.2] Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu:

- Buộc ông Phan Văn H thanh toán cho Ngân hàng TT số tiền nợ đối với hợp đồng thẻ VS payWave Cre Platinum Cashback 436438-1586, ngày 26/4/2022 tạm tính đến ngày 22/4/2024, với tổng số tiền là: 13,403,634 đồng, trong đó:

Nợ gốc: 9,865,377 đồng;

Lãi quá hạn: 3,538,257 đồng;

- Buộc ông Phan Văn H thanh toán cho Ngân hàng TT đối với khoản vay tiêu dùng VTD Sacombank Pay 211251-9265, ngày 02/10/2022 tạm tính đến ngày 22/4/2024, với tổng số tiền là: 28,036,338 đồng.

Nợ gốc: 22,733,320 đồng;

Lãi quá hạn : 5,303,018 đồng;

Buộc ông Phan Văn H có nghĩa vụ thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 23/4/2024 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Tổng cộng buộc ông Phan Văn H phải trả cho Ngân Hàng TMCP TT tổng số tiền **41,439,972 đồng** *(Bốn mươi mốt triệu, bốn trăm ba mươi chín nghìn, chín trăm bảy mươi hai đồng)*, tính đến ngày xét xử sơ thẩm 22/4/2024.

Nợ gốc: 32,598,697 đồng;

Lãi quá hạn: 8,841,275 đồng.

Buộc ông Phan Văn H phải tiếp tục thanh toán lãi phát sinh tính từ ngày 23/4/2024 cho đến khi trả hết dư nợ thẻ theo lãi suất quy định tại Hợp đồng tín dụng.

Xét thấy: Bị đơn ông Phan Văn H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, vi phạm thỏa thuận tại hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng VS payWave Cre Platinum Cashback 436438-1586 đã ký kết với Ngân hàng TT, đồng thời vi phạm nghĩa vụ trả nợ, vi phạm thỏa thuận đối với khoản vay tiêu dùng VTD Sacombank Pay 211251-9265, ngày 02/10/2022 mà ông H đã ký kết với Ngân hàng TT**.** Do đó, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TT đối với ông Phan Văn H là có cơ sở và phù hợp với các điều khoản trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng VS payWave Cre Platinum Cashback 436438-1586, ngày 26/4/2022, khoản vay tiêu dùng VTD Sacombank Pay 211251-9265, ngày 02/10/2022 cũng như phù hợp với quy định tại Điều 91 và khoản 1 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng, Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn ông Phan Văn H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 5% x 41,439,972 đồng =

2,071,998 đồng theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần TT số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[4] Theo những nhận định như trên, Hội đồng xét xử chấp nhận quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Các Điều 117, 398, 401 và 463 Bộ luật Dân sự;

- Điều 91, khoản 1 Điều 95 và điểm a khoản 3 Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng;

- Điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, 228 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

- Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/10/2016 và công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao;

1. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần TT về việc "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*" đối với ông Phan Văn H.

2. Buộc ông Phan Văn H phải trả cho Ngân Hàng TMCP TT tổng số tiền là **41,439,972 đồng** *(Bốn mươi mốt triệu, bốn trăm ba mươi chín nghìn, chín trăm bảy mươi hai đồng)* tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm 22/4/2024, trong đó:

Nợ gốc: 32,598,697 đồng;

Lãi quá hạn: 8,841,275 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo

quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Phan Văn H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2,071,998 đồng (Hai triệu, không trăm bảy mươi mốt nghìn, chín trăm chín mươi tám đồng).

Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần TT số tiền tạm ứng án phí 827,000 đồng (Tám trăm hai mươi bảy nghìn đồng) theo biên lai thu số 0001709 ngày 10/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng.

4. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự.Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Hòa Vang;
- VKSND huyện Hòa Vang;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Đức Thọ